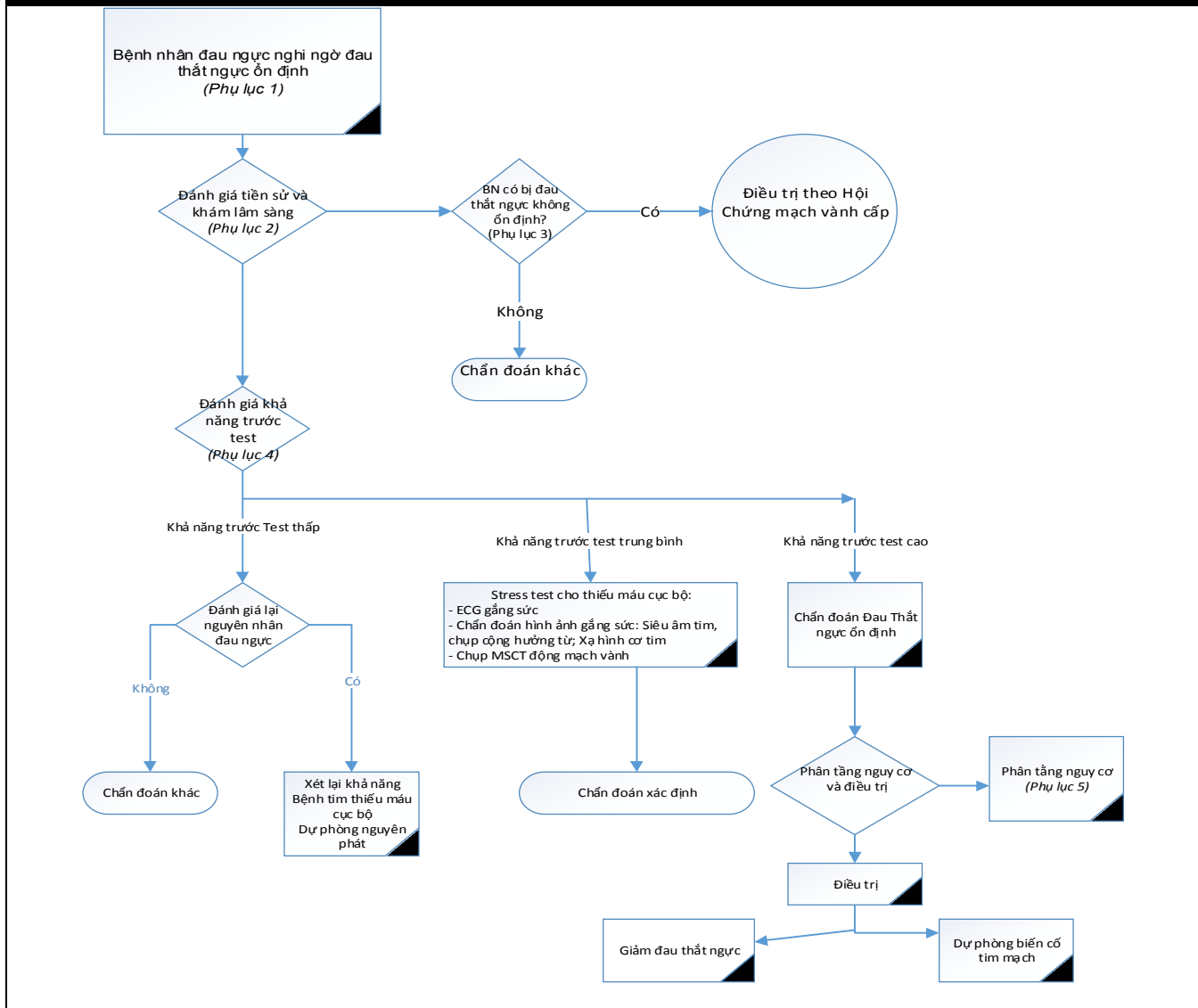


<div style="border: 1px solid black; border-radius: 50%; width: 40px; height: 40px; margin: 0 auto; display: flex; align-items: center; justify-content: center;"> Logo </div> <p style="margin-top: 20px;">QUY TRÌNH CHUYÊN MÔN KCB CHẨN ĐOÁN VÀ ĐIỀU TRỊ BỆNH MẠCH VÀNH MẠN (ĐAU THẮT NGỰC ỔN ĐỊNH)</p>	Họ và tên NB: Ngày sinh: Giới: Địa chỉ: Số phòng: Số giường: Mã NB/Số HSBA:
---	---

Lưu ý: Đánh dấu sự lựa chọn (“✓” : có/ “X” : không) vào ô . Khoang tròn nếu lựa chọn nội dung;
 (X) xem thêm chi tiết nội dung trong phụ lục x tương ứng.

1. ĐÁNH GIÁ TRƯỚC KHI VÀO QUY TRÌNH	
Tiêu chuẩn đưa vào:	<input type="checkbox"/> Đau thắt ngực điển hình. <input type="checkbox"/> Khả năng trước test $\geq 90\%$ <input type="checkbox"/> Tiền sử nhồi máu cơ tim hoặc có biểu hiện song Q bệnh lý (rộng $\geq 0.04ms$ và sâu $\geq 0.05mm$) ở hai chuyên đạo liên tiếp <input type="checkbox"/> Bệnh mạch vành đã đặt stent hoặc phẫu thuật bắc cầu mạch vành
Tiêu chuẩn loại ra:	<input type="checkbox"/> Đã có chẩn đoán những nguyên nhân đau ngực khác rõ ràng. <input type="checkbox"/> Khả năng trước test $\leq 10\%$.
Tiền sử:	<input type="checkbox"/> Tiền sử dị ứng <input type="checkbox"/> Vô động, loạn động hoặc giảm vận động vùng trên siêu âm tim qua thành ngực. <input type="checkbox"/> Các test gắng sức không xâm lấn như điện tâm đồ, siêu âm tim gắng sức dương tính. <input type="checkbox"/> Kết quả MSCT mạch vành có hẹp động mạch vành $\geq 50\%$ ít nhất 1 nhánh mạch vành.
	<input type="checkbox"/> Các test gắng sức cho kết quả âm tính. <input type="checkbox"/> Các xét nghiệm có độ nhạy hoặc giá trị tiên đoán âm cao (như MSCT mạch vành, SAT gắng sức..)
	Ghi rõ:

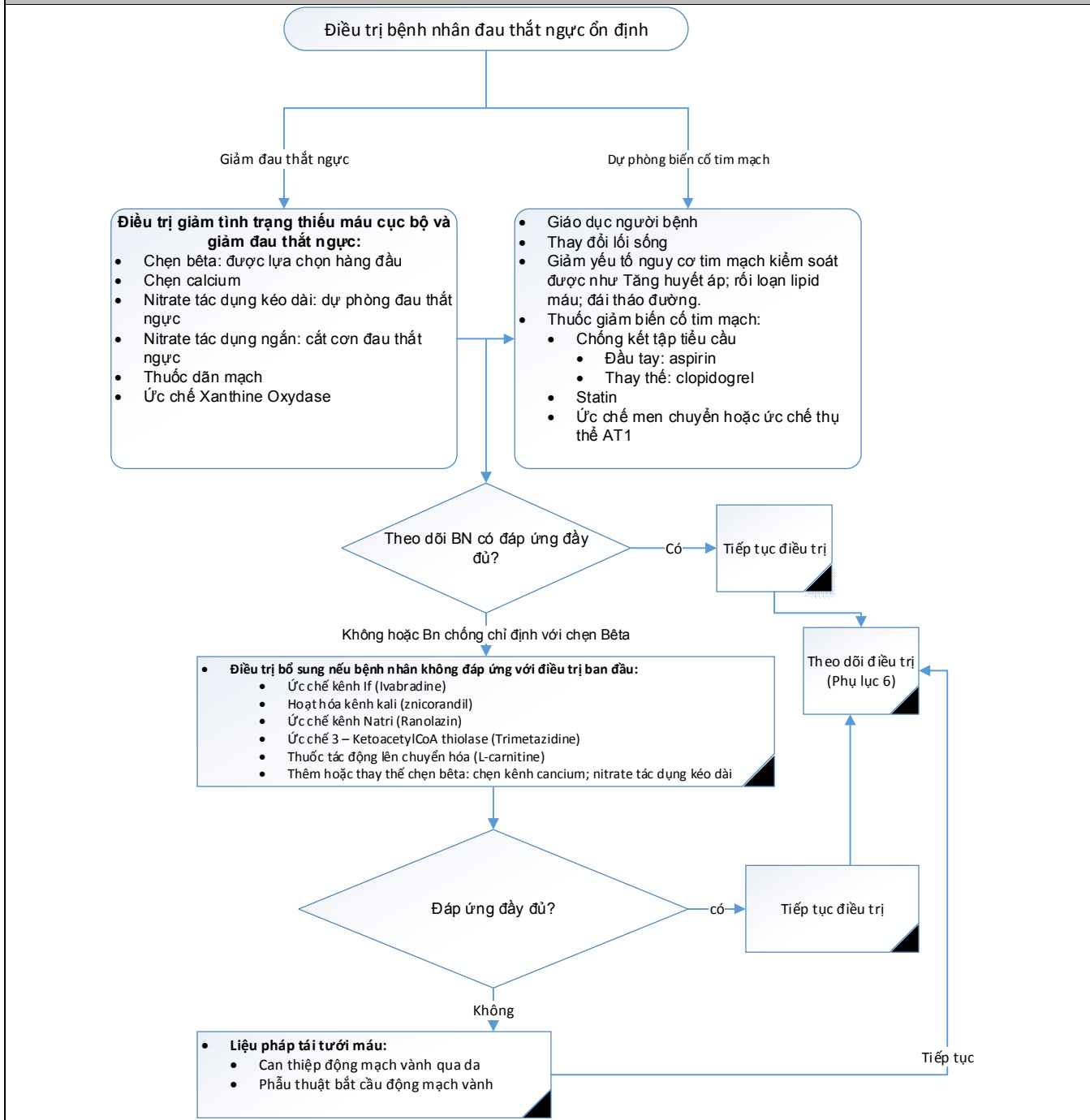
2. QUY TRÌNH CHẨN ĐOÁN VÀ XỬ TRÍ



3. NGUYÊN TẮC ĐIỀU TRỊ

<p><input type="checkbox"/> Mục tiêu chung:</p> <p><input type="checkbox"/> Giảm đau thắt ngực và dự phòng biến cố tim mạch.</p> <p><input type="checkbox"/> Cải thiện khả năng gắng sức cho người bệnh</p>	<p><input type="checkbox"/> Giảm đau thắt ngực:</p> <p><input type="checkbox"/> Chẹn beta</p> <p><input type="checkbox"/> Chẹn calcium</p> <p><input type="checkbox"/> Nitrate</p>	<p><input type="checkbox"/> Phòng biến cố tim mạch:</p> <p><input type="checkbox"/> Giáo dục người bệnh</p> <p><input type="checkbox"/> Thay đổi lối sống</p> <p><input type="checkbox"/> Kiểm soát yếu tố nguy cơ</p> <p><input type="checkbox"/> Chống kết tập tiểu cầu</p> <p><input type="checkbox"/> Statin</p> <p><input type="checkbox"/> Ức chế men chuyển hoặc ức chế thụ thể AT1.</p>	<p><input type="checkbox"/> Điều trị bổ sung nếu không đáp ứng với điều trị ban đầu:</p> <p><input type="checkbox"/> Ức chế kênh If</p> <p><input type="checkbox"/> Hoạt hóa kênh kali (Nicorandil)</p> <p><input type="checkbox"/> Ức chế kênh natri (Ranolazine).</p> <p><input type="checkbox"/> Ức chế 3-KAT (trimetazidine).</p> <p><input type="checkbox"/> Thuốc tác động lên chuyển hóa (L-carnitine)</p> <p><input type="checkbox"/> Ức chế Xanthine Oxydase.</p>
<p><input type="checkbox"/> Tái thông mạch vành:</p> <p><input type="checkbox"/> Can thiệp động mạch vành qua</p> <p><input type="checkbox"/> Phẫu thuật bắc cầu động mạch vành</p>			

LƯU ĐỒ TIẾP CẬN ĐIỀU TRỊ



4. XỬ TRÍ CẤP CỨU ■ Có (Hoàn thành bảng bên dưới) ■ Không		
Dấu hiệu	Xử trí	
<input type="checkbox"/> Đau thắt ngực ổn định có cơn đau điển hình	<input type="checkbox"/> Nitrate tác dụng ngắn <input type="checkbox"/> Chẹn beta <input type="checkbox"/> Nitrate tác dụng kéo dài <input type="checkbox"/> Chống kết tập tiểu cầu <input type="checkbox"/> Statin <input type="checkbox"/> ƯCMC/ƯCTT AT1 <input type="checkbox"/> Chẹn kênh calcium <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>	Theo dõi: <input type="checkbox"/> Sinh hiệu <input type="checkbox"/> Tình trạng đau ngực <input type="checkbox"/> Điện tâm đồ lúc nghỉ <input type="checkbox"/> Men tim nếu có đau thắt ngực nhiều hoặc có biến đổi ST-T trên điện tâm đồ theo thời gian
<input type="checkbox"/> Đau thắt ngực ổn định không có cơn đau	<input type="checkbox"/> Chẹn beta <input type="checkbox"/> Nitrate tác dụng kéo dài <input type="checkbox"/> Chống kết tập tiểu cầu <input type="checkbox"/> Statin <input type="checkbox"/> ƯCMC/ƯCTT AT1 <input type="checkbox"/> Chẹn kênh calcium <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>	Theo dõi: <input type="checkbox"/> Sinh hiệu <input type="checkbox"/> Tình trạng đau ngực <input type="checkbox"/> Điện tâm đồ lúc nghỉ <input type="checkbox"/> Men tim có biến đổi ST-T trên điện tâm đồ theo thời gian.
Trường hợp khẩn cấp: <input type="checkbox"/> Hội chứng mạch vành cấp	<input type="checkbox"/> Điều trị tại khoa Hồi sức tích cực. <input type="checkbox"/> Thông tim can thiệp cấp cứu <input type="checkbox"/> Điều trị nội trú tái tưới máu.	

5. DIỄN TIẾN BỆNH VÀ XỬ TRÍ					
Dấu hiệu	N1/...../.....	N2/...../.....	N3/...../.....	N.../...../.....	Nn/...../.....
Lâm sàng					
Đau ngực	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Khó thở	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
.....	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
.....	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
.....	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
.....	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
.....	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Cận lâm sàng					
Ure, Creatinin	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
AST; ALT	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Ion đồ	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Đường huyết, HbA1c (nếu có Đái tháo đường).	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Bilan lipid máu	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Tổng phân tích nước tiểu	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Tổng phân tích tế bào máu	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
X - quang tim phổi thẳng	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Điện tâm đồ	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Men tim	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Siêu âm tim	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
ECG gắng sức	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Siêu âm gắng sức	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Chụp CT scanner ĐMV	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Chụp MRI tim	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Stress test kết hợp với hình ảnh (MRI; PET&CT; PET&CMR; SPECT	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Điều trị					
Giảm đau thắt ngực	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Chẹn beta	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
ỨCMC hoặc ỨCTT AT1	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Statin	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Chống kết tập tiểu cầu	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Chẹn canxi	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nitrate	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
.....	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
.....	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
.....	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Theo dõi					
Sinh hiệu	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Triệu chứng	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Chế độ ăn lạt					
Com	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Cháo	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Sữa, súp	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Chế độ chăm sóc					
Cấp 1	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Cấp 2	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Cấp 3	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

6. XUẤT VIỆN			
Tiêu chuẩn xuất viện	<input type="checkbox"/> Các triệu chứng cải thiện <input type="checkbox"/> Không biến cố tim mạch cấp <input type="checkbox"/> Bệnh nhân được đánh giá nguy cơ và điều trị đầy đủ <input type="checkbox"/> BN đã được hướng dẫn chế độ điều trị, chăm sóc tại nhà phù hợp		
Tình trạng xuất viện	<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 70%;"> <input type="checkbox"/> Ổn định không di chứng <input type="checkbox"/> Di chứng sau xuất viện <input type="checkbox"/> Không thay đổi so với trước nhập viện <input type="checkbox"/> Tử vong hoặc bệnh nặng xin về </td> <td style="width: 30%;"> <input type="checkbox"/> Kết thúc quy trình <input type="checkbox"/> Ra khỏi quy trình </td> </tr> </table>	<input type="checkbox"/> Ổn định không di chứng <input type="checkbox"/> Di chứng sau xuất viện <input type="checkbox"/> Không thay đổi so với trước nhập viện <input type="checkbox"/> Tử vong hoặc bệnh nặng xin về	<input type="checkbox"/> Kết thúc quy trình <input type="checkbox"/> Ra khỏi quy trình
<input type="checkbox"/> Ổn định không di chứng <input type="checkbox"/> Di chứng sau xuất viện <input type="checkbox"/> Không thay đổi so với trước nhập viện <input type="checkbox"/> Tử vong hoặc bệnh nặng xin về	<input type="checkbox"/> Kết thúc quy trình <input type="checkbox"/> Ra khỏi quy trình		
Hướng điều trị tiếp theo	<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 50%; vertical-align: top;"> Điều trị tiếp tục theo các thuốc: <input type="checkbox"/> Chẹn bêta <input type="checkbox"/> Nitrate tác dụng kéo dài <input type="checkbox"/> Chống kết tập tiểu cầu <input type="checkbox"/> Statin <input type="checkbox"/> UCMC hoặc UCTT AT1 <input type="checkbox"/> Chẹn kênh calcium <input type="checkbox"/> </td> <td style="width: 50%; vertical-align: top;"> Điều trị không dùng thuốc: <input type="checkbox"/> Tập thể dục <input type="checkbox"/> Giảm cân <input type="checkbox"/> Ăn nhiều rau củ <input type="checkbox"/> Ăn nhạt <input type="checkbox"/> Lưu ý khác: </td> </tr> </table>	Điều trị tiếp tục theo các thuốc: <input type="checkbox"/> Chẹn bêta <input type="checkbox"/> Nitrate tác dụng kéo dài <input type="checkbox"/> Chống kết tập tiểu cầu <input type="checkbox"/> Statin <input type="checkbox"/> UCMC hoặc UCTT AT1 <input type="checkbox"/> Chẹn kênh calcium <input type="checkbox"/>	Điều trị không dùng thuốc: <input type="checkbox"/> Tập thể dục <input type="checkbox"/> Giảm cân <input type="checkbox"/> Ăn nhiều rau củ <input type="checkbox"/> Ăn nhạt <input type="checkbox"/> Lưu ý khác:
	Điều trị tiếp tục theo các thuốc: <input type="checkbox"/> Chẹn bêta <input type="checkbox"/> Nitrate tác dụng kéo dài <input type="checkbox"/> Chống kết tập tiểu cầu <input type="checkbox"/> Statin <input type="checkbox"/> UCMC hoặc UCTT AT1 <input type="checkbox"/> Chẹn kênh calcium <input type="checkbox"/>	Điều trị không dùng thuốc: <input type="checkbox"/> Tập thể dục <input type="checkbox"/> Giảm cân <input type="checkbox"/> Ăn nhiều rau củ <input type="checkbox"/> Ăn nhạt <input type="checkbox"/> Lưu ý khác:	
Số ngày điều trị:			
7. QUẢN LÝ VÀ TƯ VẤN BỆNH NHÂN			
<input type="checkbox"/> Giáo dục người bệnh	<input type="checkbox"/> Giáo dục người bệnh về tình trạng bệnh (nguyên nhân gây bệnh, lựa chọn điều trị và tiên lượng). <input type="checkbox"/> Hướng dẫn người bệnh hoặc người thân những kỹ năng để tự theo dõi, nhận biết tình huống diễn biến xấu và có những hoạt động ban đầu thích hợp (ngừng vận động và ngậm nitrate tác dụng ngắn khi đau ngực). <input type="checkbox"/> Hướng dẫn người bệnh tuân thủ điều trị, điều chỉnh lối sống và kiểm soát yếu tố nguy cơ. <input type="checkbox"/> Tiêm ngừa vaccine cúm.		
<input type="checkbox"/> Hướng dẫn thay đổi lối sống	<input type="checkbox"/> Lượng muối ăn vào: hạn chế 5 – 6 g/ngày <input type="checkbox"/> Thức uống có cồn: Nam < 20 – 30 g/ngày; nữ < 10 – 20 g/ngày. <input type="checkbox"/> BMI cần đạt: dưới 23 Kg/m ² . <input type="checkbox"/> Vòng eo: Nam < 90 cm; Nữ < 80 cm. <input type="checkbox"/> Tập luyện: ≥ 30 phút/ngày từ 5 – 7 ngày/tuần. <input type="checkbox"/> Không hút thuốc, tránh xa khói thuốc. <input type="checkbox"/> Hằng ngày ăn nhiều rau, củ, trái cây, ít chất béo, thay chất béo bão hòa thành chất béo không bão hòa; tăng ăn cá có dầu. <input type="checkbox"/> Kiểm soát HA ≤ 140/90mmHg <input type="checkbox"/> Kiểm soát lipid máu theo hướng dẫn hiện hành <input type="checkbox"/> Kiểm soát đường huyết với Hb1Ac ≤ 7% hoặc cá nhân hóa điều trị tùy theo tình trạng người bệnh.		

8. PHỤ LỤC**Phụ lục 1: Dấu hiệu gợi ý chẩn đoán đau thắt ngực ổn định:**

- Bệnh nhân đau ngực sau xương ức Khởi phát khi gắng sức hoặc stress. Giảm khi nghỉ ngơi hoặc với nitrate.
- Tình trạng cơn đau ổn định, đã có trước không tăng về tần số, thời gian và mức độ nặng của cơn đau.

Phụ lục 3: Chẩn đoán cơn đau thắt ngực không ổn định:

- Cơn đau ngực xảy ra lúc nghỉ và thường kéo dài trên 20 phút
- Cơn đau thắt ngực mới xảy ra dưới hai tháng, nhưng làm giới hạn hoạt động thể lực
- Cơn đau thắt ngực ổn định trước đó nặng thêm về cường độ (giảm ngưỡng gây đau, tăng độ nặng cơn đau, kéo dài hơn và tần suất tăng hơn).
- Cơn đau thắt ngực tái phát trong vòng 4 – 6 tuần sau nhồi máu cơ tim cấp

Phụ lục 2: Đánh giá tiền sử và khám lâm sàng:

- Đánh giá tính chất, mức độ của cơn đau ngực; vị trí cơn đau; thời gian đau; Các yếu tố khởi phát cơn.
- Đánh giá nguy cơ bệnh mạch vành:
 - Hút thuốc lá; rối loạn lipid máu; đái tháo đường; hội chứng chuyển hóa; ít hoạt động thể lực và tiền sử gia đình mắc bệnh tim mạch sớm.
 - Tiền sử bệnh mạch máu não hoặc bệnh mạch máu ngoại biên.
- Phân loại lâm sàng đau ngực:
 - Đau ngực điển hình có đủ 3 tính chất: đau ngực sau xương ức; đau khi gắng sức hoặc stress và giảm khi nghỉ ngơi hoặc dùng nitrate.
 - Đau ngực không điển hình chỉ có 2 đặc điểm trên.
 - Đau ngực không do tim: chỉ có 1 hoặc không có những đặc điểm trên.
- Phân độ đau ngực theo Hội Tim Mạch Canada (CCS):
 - Độ I: Những hoạt động thể lực bình thường không gây đau thắt ngực
 - Độ II: Hạn chế nhẹ hoạt động thể lực bình thường. Đau thắt ngực xuất hiện khi leo cao >1 tầng gác thông thường bằng cầu thang hoặc đi bộ dài hơn 2 dãy nhà.
 - Độ III: Hạn chế đáng kể hoạt động thể lực thông thường. Đau thắt ngực khi đi bộ dài từ 1-2 dãy nhà hoặc leo cao 1 tầng gác.
 - Độ IV: Các hoạt động thể lực bình thường đều gây đau thắt ngực. Đau thắt ngực khi làm việc nhẹ, khi gắng sức nhẹ.

Phụ lục 4: Đánh giá khả năng trước test:

- Đánh giá dựa vào các yếu tố: tuổi, giới và tình trạng đau thắt ngực.
 - Khả năng rất thấp (<5%):
 - Nữ < 49 tuổi, không đau ngực
 - Nữ < 39 tuổi, đau ngực không điển hình.
 - Khả năng thấp (từ 5 – 10%):
 - Nữ từ 50 – 59 tuổi hoặc nam <39 tuổi, không đau ngực.
 - Nữ từ 40 – 49 tuổi, đau ngực không điển hình
 - Khuyến cáo để loại trừ nguyên nhân đau ngực khác (phổi, dạ dày, cơ xương).
 - Khả năng trung bình (10 – 90%):
 - Nữ < 59 tuổi hoặc nam < 39 tuổi, Đau thắt ngực điển hình
 - Nữ > 50 tuổi và nam ở mọi lứa tuổi, đau thắt ngực không điển hình
 - Nữ > 60 tuổi và nam > 40 tuổi, không có đau thắt ngực
 - Khuyến cáo khảo sát mạch vành bằng các test không xâm lấn
 - Khả năng cao (>90%):
 - Nữ > 60 tuổi hoặc nam > 40 tuổi, Đau thắt ngực điển hình.
 - Khuyến cáo chụp mạch vành để chẩn đoán.

Phụ lục 5: Phân tầng nguy cơ nhồi máu cơ tim hoặc tử vong tim mạch:

- Rối loạn chức năng thất trái khi nghỉ nặng (EF < 35%) mà không thể giải thích được bởi những nguyên nhân không mạch vành.
- Bất thường tưới máu cơ tim khi nghỉ $\geq 10\%$ ở những BN không có tiền sử hoặc bằng chứng NMCT trước.
- ECG gắng sức ghi nhận có ST chênh xuống ≥ 2 mm tại mức gắng sức thấp hoặc tồn tại tiếp trong giai đoạn phục hồi, hoặc ST chênh lên hoặc có nhịp nhanh thất/rung thất liên quan với gắng sức.
- Rối loạn chức năng thất trái nặng liên quan gắng sức (EF < 45% hay giảm $\geq 10\%$ tại đỉnh gắng sức).
- Bất thường tưới máu cơ tim liên quan gắng sức $\geq 10\%$ hoặc cho điểm vùng khi gắng sức chỉ ra có bất thường nhiều phân khu mạch vành.
- Dẫn thất trái liên quan gắng sức.
- Rối loạn vận động vùng > 2 vùng hoặc ≥ 2 giường mạch vành.
- Rối loạn vận động vùng xuất hiện tại liều thấp dobutamine (≤ 10 microgram/kg/phút) hoặc tại tần số tim thấp (< 120 l/p).
- Điểm vôi hóa MV > 400 đơn vị Agatston.
- Bệnh mạch vành tắc nghẽn nhiều nhánh (hẹp $\geq 70\%$) hoặc hẹp thân chung ($\geq 50\%$) trên MSCT mạch vành.

Phụ lục 6: Theo dõi bệnh nhân

- Bệnh nhân được theo dõi đều mỗi 4 – 6 tháng/năm đầu và 6 – 12 tháng sau năm đầu nếu bệnh nhân ổn định.
- Theo dõi bao gồm:
 - Đánh giá triệu chứng đau thắt ngực và khả năng gắng sức.
 - Tồn tại của các biến chứng như: rối loạn nhịp hoặc/và suy tim
 - Theo dõi các yếu tố nguy cơ tim mạch
 - Đánh giá sự tuân thủ thay đổi lối sống và điều trị.